TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1089/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phủ

2. Bà Nguyễn Thị Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương, cán bộ tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2103/2020/TLST-LH ngày 23 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn là bà A, sinh năm 1980; địa chỉ: cư xá T, Phường Q, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

2. Bị đơn là ông B, sinh năm 1980; địa chỉ: cư xá T, Phường Q, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2020, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Bà và ông B kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số I, ngày 25/02/2009 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Qúa trình chung sống có hai người con tên: V, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2009 và M, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2018.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, cho đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B không có trách nhiệm đối với các con và gia đình. Năm 2020, bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh,

Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án động viên hòa giải, bà đã rút đơn ly hôn để tạo điều kiện cho ông B thay đổi bản thân, nhưng ông B vẫn không thay đổi. Hiện nay, đôi bên không còn sự quan tâm đối với nhau và nhận thấy cuộc hôn nhân này không thể tiếp tục duy trì thêm nữa, tình cảm thương yêu của bà đối với ông B không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để nộp hoặc đưa ra ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn. Phía bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án giữa bà A và ông B là ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

Hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số số 25, quyển số I, ngày 25/02/2009 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà A, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông B không nộp (gửi) cho Tòa án ý kiến của mình hay có

mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện ông B không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà A, tại phiên tòa ông B lại vắng mặt. Như vậy, thực chất hôn nhân giữa đôi bên đã không còn, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

Về con chung: Bà A có nguyện vọng được nuôi con tên: V, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2009 và M, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2018. Về phía ông B không có mặt tại phiên tòa và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án xem xét về việc người trực tiếp nuôi con. Xét thấy tại bản tự khai, trẻ V có mong muốn sống bên cạnh mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao hai trẻ cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, là có cơ sở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Bà A không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn*: Bà A phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Bà A được ly hôn với ông B;

2. *Về con*: Bà A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con tên: V, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2009 và M, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2018.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tiền cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung*: Bà A không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0088955 ngày 22 tháng 12 năm 2020, của Chi cục Thi

hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà A đã nộp đủ án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Linh Phượng